

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST
Ngày 16-5-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Cao Minh Sơn;
- Bà Thạch Thị Mỹ Kim.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Duy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Tăng Phan Nhật Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Huệ L, sinh năm 1990 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp V, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp V, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Nguyễn Huệ L là nguyên đơn trình bày: Năm 2011, sau thời gian tìm hiểu, chị Nguyễn Huệ L và anh Nguyễn Văn T1 được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới. Ngày 21 tháng 9 năm 2011, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 318/2011, quyền số 02/2011. Trong quá trình chung sống, anh chị có 01 người con tên Nguyễn Thị Thảo L1, sinh ngày 08 tháng 3 năm 2011. Hiện con đang sống với chị L.

Anh T1 làm nghề thuê ghe lưới trên biển. Chị L làm công nhân, kinh tế vợ chồng tương đối. Cuộc sống hôn nhân của anh chị không hạnh phúc. Nguyên nhân vì anh Tân thích ăn chơi, không lo cho gia đình. Chị L đã nhiều lần góp ý nhưng anh T1 không sửa đổi. Anh chị đã không sống chung từ tháng 9 năm 2024 cho đến nay.

Nay nhận thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân nên chị Nguyễn Huệ L yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Huệ L yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

- Về con chung: Chị Nguyễn Huệ L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Thảo L1, sinh ngày 08 tháng 3 năm 2011 và không yêu cầu anh Nguyễn Văn T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn T1 là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T1 cũng không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với các yêu cầu của chị L.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh đã tiến hành hòa giải để các đương sự đoàn tụ và thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, việc hòa giải đoàn tụ không thành do anh T1 vắng mặt tại các phiên họp. Vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn T1 là bị đơn vắng mặt không có lý do. Các đương sự không nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ và không đề nghị triệu tập thêm đương sự, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác tham gia phiên tòa.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật cũng như quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Huệ L.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Huệ L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Huệ L được nuôi con chung tên Nguyễn Thị Thảo L1, sinh ngày 08 tháng 3 năm 2011. Anh Nguyễn Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Huệ L phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn cư trú tại ấp V, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn T1 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Huệ L và anh Nguyễn Văn T1 xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2011 trên cơ sở quen biết. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh vào ngày 21 tháng 8 năm 2011. Đây hôn nhân tự nguyện, được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống, chị L cho rằng vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì anh Tân thích ăn chơi, không lo cho gia đình. Chị L đã nhiều lần góp ý nhưng anh T1 không sửa đổi. Anh chị đã ly thân từ tháng 9 năm 2024 cho đến nay. Đối với anh Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác liên quan đến việc giải quyết vụ án nhưng anh T1 đều không đến theo yêu cầu triệu tập của Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T1 cũng không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với các yêu cầu của chị L. Điều đó cho thấy anh T1 cũng không còn muốn đoàn tụ với chị L cũng như không có ý kiến phản đối các yêu cầu của chị L. Xét thấy anh T1 và chị L đã ly thân từ tháng 9 năm 2024 cho đến nay vẫn không hàn gắn được, hôn nhân giữa chị L và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên. Vì vậy yêu cầu ly hôn của của chị L là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Huệ L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thảo L1, sinh ngày 08 tháng 3 năm 2011. Xét thấy em L1 hiện đang sống với chị L. Nguyên vọng của em L1 muốn sống với mẹ nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao em L1 cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng theo như yêu cầu của chị L và nguyện vọng của em L1.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Huệ L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Huệ L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Nguyễn Huệ L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, chị Nguyễn Huệ L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[8] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh là phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án và phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58; các điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Huệ L.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Huệ L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

Về con chung: Chị Nguyễn Huệ L được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thảo L1, sinh ngày 08 tháng 3 năm 2011.

Anh Nguyễn Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Huệ L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Huệ L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng

theo biên lai thu tiền số 0001307 ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh nên chị Nguyễn Huệ L không phải nộp thêm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND Tp Trà Vinh;
- Chi cục THADS Tp Trà Vinh;
- UBND xã L;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Anh Khoa